

Bản án số: 468/2026/HC-PT
Ngày: 24 – 4 - 2026
Khiếu kiện QĐHC v/v thu hồi đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2026/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 683/2025/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1503/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Ông Trương Thái T2, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

+ Ông Phạm Kim V, sinh năm 1995. Địa chỉ: A C, phường L, tỉnh Đồng Nai - Vắng mặt.

Theo giấy uỷ quyền lập ngày 10/6/2025 tại Văn phòng C, số H T, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1: Ông Nguyễn Trung H
- Luật sư thuộc Công ty L. Địa chỉ: G (Tầng trệt), đường L, khu phố A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện X.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Ấp L, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.
2. Chủ tịch UBND Thành phố H. Địa chỉ: Số H đường L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thu B, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (đợt D). Ngày 22/11/2021, UBND huyện X ban hành Quyết định số 6483/QĐ-UBND về việc thu hồi 210m² đất của ông (bà) Trần Minh T1. Cùng ngày, UBND huyện X ban hành Quyết định số 6497/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Trần Minh T1.

Không đồng ý với nội dung các Quyết định nêu trên ông T1 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 15/9/2022, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4750/QĐ-UBND với nội dung chấp nhận một phần khiếu nại của ông Trần Minh T1, cụ thể là điều chỉnh diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 6497/QĐ-UBND từ “210m² đất trong đó có 93m² đất ở và 117m² đất nông nghiệp” thành “210m² đất trong đó có 120m² đất ở và 90m² đất nông nghiệp”.

Không đồng ý, ông T1 tiếp tục làm đơn khiếu nại lần hai. Ngày 07/02/2024 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 399/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông T1 về nâng giá bồi thường nhà và bố trí 02 lô đất tái định cư.

Sau đó, ông T1 tiếp tục có đơn khiếu nại đối với Quyết định thu hồi số 6438/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường số 6497/QĐ-UBND ngày 22/11/2021. Ngày 05/10/2023 UBND huyện X ban hành thông báo không thụ lý giải quyết nội dung khiếu nại số 1987/TB-UBND lý do đã hết thời hiệu khởi kiện. Ông T1 tiếp tục khiếu nại đối với thông báo trên. Ngày 29/2/2024 Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1242/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông T1.

Ông T1 tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 22/7/2024 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định số 1915/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung: “Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Minh T1 khiếu nại thông báo số 1987/TB-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện X về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại”.

Vì thế, ông Trần Minh T1 có đơn khởi kiện, tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 6497/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Minh T1.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4750/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 399/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

- Hủy Quyết định số giải quyết khiếu nại lần đầu số 1242/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1915/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 16/8/2025, ông T1 có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Chủ tịch UBND xã B ban hành lại quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường tại thời điểm thu hồi đất đúng theo quy định của pháp luật; bồi thường bổ sung 27m² đất còn thiếu; chi trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế đối với số tiền bồi thường chưa nhận và đối với số tiền do phê duyệt giá đất bồi thường sai; yêu cầu cấp 01 lô tái định cư.

Ngày 10/9/2025, ông T1 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số giải quyết khiếu nại lần đầu số 1242/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện X và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1915/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B; tại phiên toà xin rút yêu cầu bồi thường bổ sung 27m² đất.

Các yêu cầu khác ông T1 vẫn giữ nguyên như nêu trên.

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Trương Thái T2 và ông Phạm Kim V trình bày:

Ngày 22/11/2021, UBND huyện X ban hành Quyết định số 6497/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần Minh T1 để thu hồi đất đầu tư xây dựng công trình mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (đợt D). Theo đó, ông T1 bị thu hồi 210m² trong đó có 93m² đất ở và 117m² đất nông nghiệp.

Không đồng ý với nội dung quyết định nêu trên nên ông Trần Minh T1 làm đơn khiếu nại đến UBND huyện X “Yêu cầu xác định lại giá bồi thường; yêu cầu

gia đình ông T1 được mua hai lô đất tái định cư và yêu cầu bồi thường 27m² đất thổ cư còn thiếu”.

Ngày 15/9/2022 Chủ tịch UBND huyện X ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4750/QĐ-UBND với nội dung chấp nhận một phần khiếu nại của ông Trần Minh T1, cụ thể là điều chỉnh diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 6497/QĐ-UBND từ “210m² đất trong đó có 93m² đất ở và 117m² đất nông nghiệp” thành “210m² đất trong đó có 120m² đất ở và 90m² đất nông nghiệp”.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nên ông T1 tiếp tục khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 07/02/2024 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 399/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông T1 về nâng giá bồi thường nhà và bố trí 02 lô đất tái định cư.

Cũng vào thời điểm năm 2023, ông T1 tiếp tục có đơn khiếu nại đối với Quyết định thu hồi số 6438/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường số 6497/QĐ-UBND ngày 22/11/2021.

Ngày 05/10/2023 UBND huyện X ra thông báo không thụ lý giải quyết nội dung khiếu nại số 1987/TB-UBND lý do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Do không đồng ý với thông báo số 1987/TB-UBND ông T1 tiếp tục khiếu nại đối với thông báo trên. Ngày 29/02/2024 Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1242/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông T1. Ông T1 tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 22/7/2024 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Minh T1 khiếu nại thông báo số 1987/TB-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện X về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Công nhận và giữ nguyên nội dung khiếu nại tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1242/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện X.

Ông T1 không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện X và Chủ tịch UBND tỉnh B liên quan đến việc phê duyệt kinh phí bồi thường vì đã sử dụng bảng giá đất cũ dẫn tới chi phí bồi thường thấp hơn so với giá đất thị trường. Ngoài ra, gia đình ông T1 có nhiều nhân khẩu, việc cấp cho ông T1 01 lô tái định cư như vậy không phù hợp với quy định pháp luật.

Do đó, tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2024, ông Trần Minh T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 6497/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Minh T1.

- Hủy Quyết định số giải quyết khiếu nại lần đầu số 4750/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 399/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

- Hủy Quyết định số giải quyết khiếu nại lần đầu số 1242/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1915/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 16/8/2025, ông T1 có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Chủ tịch UBND xã B ban hành lại quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường tại thời điểm thu hồi đất đúng theo quy định của pháp luật; bồi thường bổ sung 27m² đất còn thiếu; chi trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế đối với số tiền bồi thường chưa nhận và đối với số tiền do phê duyệt giá đất bồi thường sai; yêu cầu cấp 01 lô tái định cư.

Ngày 10/9/2025, ông T1 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số giải quyết khiếu nại lần đầu số 1242/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện X và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1915/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Tại phiên toà xin rút yêu cầu bồi thường bổ sung 27m² đất. Các yêu cầu khác ông T1 vẫn giữ nguyên như nêu trên.

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện UBND huyện X (nay là Chủ tịch UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bị kiện UBND huyện X và Chủ tịch UBND huyện X (nay là Chủ tịch UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) không tham gia tố tụng nên không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

3. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B (nay là Chủ tịch UBND Thành phố H) trình bày:

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B (nay là Chủ tịch Thành phố Hồ Chí Minh) không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

4. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu B trình bày:

Tại đơn trình bày ý kiến và đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/8/2025, bà Lê Thị Thu B là vợ ông Trần Minh T1 đã ly hôn ngày 30/6/2016. Bà B đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T1 và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án xét xử vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 683/2025/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

“...1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T1 về việc:

- Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- *Hủy Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai.*

- *Buộc Chủ tịch UBND xã B thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường bổ sung 27m² đất cho ông T1.*

2. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T1 về việc:*

- *Hủy một phần Quyết định số 6497/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND huyện X về nội dung đơn giá bồi thường đất.*

- *Buộc Chủ tịch UBND xã B thực hiện nhiệm vụ, công vụ khảo sát lại giá đất bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.*

3. *Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T1 về việc:*

- *Hủy Quyết định số 4750/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.*

- *Hủy Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần 2.*

- *Buộc Chủ tịch UBND xã B cấp thêm 01 lô tái định cư và thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế đối với số tiền bồi thường chưa nhận và đối với số tiền do phê duyệt giá đất bồi thường sai.”...*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 26/9/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của ông Trần Minh T1, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện ông Trần Minh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án sơ thẩm thụ lý ngày 15/5/2025 đến ngày 19/9/2025 xét xử vụ án nhưng không có bất cứ văn bản nào của người bị kiện thể hiện ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ để tòa án xem xét giải quyết. Sau khi xét xử sơ thẩm xong thì ngày 06/10/2025 cấp sơ thẩm mới nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Do đó, người bị kiện chưa tham gia tố tụng, chưa cung cấp chứng cứ, cấp sơ thẩm xử bác

yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chưa đủ căn cứ vững chắc. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng trình tự tố tụng. Việc hủy án không phải lỗi của cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của ông Trần Minh T1 được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của ông Trần Minh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án đã có văn bản gửi cho người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B nhưng không có văn bản phúc đáp cho Tòa án, không ủy quyền cho cấp phó tham gia tố tụng, không cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có văn bản phúc đáp về các nội dung người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

Sau khi sáp nhập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 1/7/2025 thì cấp sơ thẩm đã gửi thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 22/8/2025 cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, nhưng không có văn bản phúc đáp. Ngày 22/8/2025, Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa, mở lại ngày 19/9/2025 nhưng người bị kiện không có mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến của người bị kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong thì ngày 06/10/2025 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H mới có văn bản số 2465/UBND-NCPC ngày 02/10/2025 về việc yêu cầu bà Phạm Ngọc Y, làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H nhưng bà Y chưa thực hiện liên hệ với Tòa án để làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và thay mặt người bị kiện nhận giấy tờ, văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt; đồng thời tham gia tố tụng tất cả các giai đoạn trong quá trình tố tụng, theo nội dung yêu cầu của văn bản trên.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, người bị kiện chưa thực hiện tham gia tố tụng, chưa cung cấp tài liệu chứng cứ là do sự chậm trễ phúc đáp của Ủy ban nhân dân thành phố H và việc không chấp hành tham gia tố tụng, cung cấp tài liệu chứng cứ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện X). Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chưa đủ căn cứ vững chắc (do chưa đủ tài liệu chứng cứ quan trọng để xem xét giải quyết vụ án). Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng thủ tục tố tụng, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Việc hủy án không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do bản án bị hủy nên ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 683/2025/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Trần Minh T1 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (20b-TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh